

Bản án số: 46/2024/DSST  
Ngày: 16/7/2024.  
V/v: “Tranh chấp hợp mua bán  
sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

*- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thùy Linh*

*Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hòa  
Bà Đỗ Thị Ngoãn*

*- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.*

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thụ lý số: 275/2023/ DSST, ngày 19/12/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2024/QĐST - DS ngày 10 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn: Anh Phạm Viết K, sinh năm 1981*

Cư trú tại: khu Đ, T.tr Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

*- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*

*Chị Võ Thị Thúy H, sinh năm 2000 ( có mặt)*

Cư trú tại: thôn C, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

*- Bị đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1970 ( vắng mặt)*

Cư trú tại: thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Theo văn bản ủy quyền số 01/2023/TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 26/10/2023 tại phòng C, địa chỉ số B, QL A, khu Đ, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm Viết K và đại diện theo ủy quyền chị Võ Thị Thúy H trình bày:*

Anh Phạm Viết K kinh doanh các thiết bị điện dân dụng, vật tư ngành nóng lạnh. Từ ngày 15/9/2022 đến ngày 07/01/2023, anh K nhiều lần bán hàng và ghi nợ cho ông Lê Văn

**L** với tổng số tiền là 52.199.000đ (Năm mươi hai triệu một trăm chín mươi chín nghìn đồng). Đến ngày 13/7/2023, anh **K** và ông **L** cùng nhau chốt nợ lần cuối cùng để ông **L** trả tiền hàng cho anh **K**. Việc chốt các khoản nợ hai bên có ghi trong biên lai thanh toán và cùng nhau ký xác nhận. Tuy nhiên từ đó đến nay, mặc dù anh **K** đã nhiều lần yêu cầu ông **L** trả nợ nhưng ông **L** vẫn cố tình không thực hiện. Nhận thấy ông **L** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh **K** nên anh **K** nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên buộc ông **L** phải trả cho anh **K** số tiền còn nợ là 52.199.000đ (Năm mươi hai triệu một trăm chín mươi chín nghìn đồng).

*Bị đơn ông Lê Văn L:* Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập cho ông **Lê Văn L** để làm việc nhưng ông **L** không hợp tác, không đến tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, HĐXX thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Về nội dung căn cứ các Điều 430, 440 của bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông **Lê Văn L** trả cho anh **Phạm Viết K** số tiền mua tài sản từ ngày 15/9/2022 đến ngày 07/01/2023 còn nợ lại là 52.199.000đ.

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.*

## **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

[1] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh **Phạm Viết K** yêu cầu ông **Lê Văn L** trả số tiền còn nợ là 52.199.000đ do mua tài sản từ ngày 15/9/2022 đến ngày 07/01/2023 còn nợ lại là 52.199.000đ; ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Hội đồng xét xử xét thấy: Lời khai của anh **K** và người đại diện theo ủy quyền cho rằng từ ngày 15/9/2022 đến ngày 07/01/2023, anh **K** nhiều lần bán hàng hóa là vật tư xây dựng cho ông **L**, mục đích ông **L** sử dụng số vật tư trên là để phục vụ cho công việc của ông **L** vì ông **L** là chủ thầu xây dựng; đến ngày 13/7/2023 hai bên chốt nợ lại, viết hóa đơn có sự xác nhận của bên mua và bên bán, thể hiện ông **Lê Văn L** còn nợ anh **K** với với tổng số tiền là 52.199.000đ (Năm mươi hai triệu một trăm chín mươi chín nghìn đồng) nhưng sau đó ông **L** không thực hiện việc trả nợ. Phía ông **L** đã được tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập nhiều lần nhưng không đến tòa án để làm việc, không trình bày ý kiến, quan điểm của mình, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì chứng minh.

Hội đồng xét xử căn cứ vào “Biên lai thanh toán” đề ngày 13/7/2023 có chữ ký của khách hàng và người bán hàng, nội dung thể hiện thời gian mua bán hàng hóa giữa

ông **L** và anh **K**, chốt lại tổng nợ là 52.199.000đ. Như vậy, có căn cứ xác định từ ngày 15/9/2022 đến ngày 07/01/2023, anh **K** có bán hàng hóa là vật tư xây dựng cho ông **Lê Văn L**, đến ngày 13/7/2023 chốt lại ông **L** còn nợ ông **K** với tổng số tiền là 52.199.000đ; do đó căn cứ các Điều 430, 440 của bộ luật Dân sự năm 2015 có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nhận định của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[2] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh **Phạm Viết K**; buộc buộc bị đơn ông **Lê Văn L** phải trả cho anh **Phạm Viết K** số tiền còn nợ là 52.199.000đ (Năm mươi hai triệu một trăm chín mươi chín nghìn đồng).

2. Về án phí: Buộc ông **Lê Văn L** phải nộp 2.610.000đ án phí DSST; hoàn trả lại cho anh **Phạm Viết K** số tiền 1.305.000đ tạm ứng án phí mà anh **K** đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0001428, ngày 19/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng.

3. Quyền kháng cáo bản án: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án không tự giác thi hành, thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H.Bù Đăng;
- Chi cục T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Thùy Linh**